

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 – ĐỒNG NAI
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **11/2025/DS-ST**

Ngày: 30-7-2025

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Ngọc Thành và bà Trần Thị Yên Nhi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Văn Năng – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Lại Thị Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 111/2025/TLST-DS ngày 10/4/2025, về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2025/QĐXXST-DS ngày 13/6/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2025/QĐST-DS ngày 04/7/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên M A (Viết tắt: Công ty Tài chính M A).

Địa chỉ: X, phường S G (địa chỉ cũ: Phường Bến Nghé, Quận 1), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lee Yun Hyuong – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Bên nhận ủy quyền: Công ty luật TNHH Đại Việt; Người đại diện: Ông Cồ Lê Huy – Chức vụ: Giám đốc; địa chỉ: 23, Lý Chính Thắng, Phường Xuân Hòa, (địa chỉ cũ: Phường Võ Thị Sáu, Quận 3), Thành phố Hồ Chí Minh; (Theo hợp đồng ủy quyền số 09/2024/GUQ-MAFC ngày 02/5/2024).

Người đại diện theo ủy quyền của Công ty Luật TNHH Đại Việt: Anh Trần Hải Nam – Chức vụ: Nhân viên; địa chỉ: 23, Lý Chính Thắng, Phường Xuân Hòa, (địa chỉ cũ: phường Võ Thị Sáu, quận 3), Thành phố Hồ Chí Minh;

- Bị đơn: Anh Trần Bá L, sinh năm 1992.

Địa chỉ: ấp P L 1, xã P L, (địa chỉ cũ: ấp P L 1, xã P S, huyện Tân Phú), tỉnh Đồng Nai.

(Đại diện nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 09/05/2024, Công ty tài chính TNHH một thành viên M A (Việt Nam) (sau đây gọi tắt là “Công ty Tài chính M A”) ký Hợp đồng tín dụng số: 5497073 (sau đây gọi tắt là “Hợp đồng tín dụng”) về việc cấp tín dụng cho anh Trần Bá L với khoản vay trị giá **24.771.000 đồng** (Bằng chữ: Hai mươi bốn triệu, bảy trăm bảy mươi một nghìn đồng) trong đó bao gồm: 24.000.000 đồng tiền vay và 2.771.000 đồng tiền bảo hiểm khoản vay. Mục đích vay để tiêu dùng cá nhân; hình thức vay tín chấp và không có tài sản bảo đảm. Lãi suất vay: 52%/năm. Thời hạn vay là 36 tháng tính từ ngày 15/06/2024-15/05/2027.

Sau khi ký kết hợp đồng tín dụng, ngày 09/05/2024, Công ty Tài chính M A đã tiến hành giải ngân toàn bộ số tiền vay cho anh Trần Bá L theo đúng quy định trong hợp đồng tín dụng, số tiền giải ngân được Công ty Tài chính M A chuyển khoản vào tài khoản do anh Trần Bá L cung cấp tại Đề nghị vay vốn kèm hợp đồng tín dụng số 5497073.

Quá trình thực hiện hợp đồng, anh Trần Bá L thanh toán được 02 kỳ với tổng số tiền: **2.757.596 đồng** (Bằng chữ: Hai triệu, bảy trăm năm mươi bảy nghìn, năm trăm chín mươi sáu đồng). Trong đó bao gồm: 384,019 đồng tiền gốc; 2,361,577 đồng tiền lãi; 12.000 đồng tiền phí thu hộ (lịch sử thanh toán cụ thể được thể hiện tại “Báo cáo lịch sử thanh toán hợp đồng tín dụng” đính kèm theo đơn khởi kiện này). Từ ngày 18/07/2024, anh Trần Bá L đã không thanh toán đầy đủ theo nghĩa vụ hợp đồng đối với khoản vay mà phía Công ty Tài chính M A đã giải ngân, không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán của mình, để khoản vay quá hạn.

Công ty Tài chính M A đã liên hệ qua điện thoại đề nghị anh Trần Bá L thực hiện nghĩa vụ thanh toán của mình theo hợp đồng, nhưng anh Trần Bá L vẫn không có bất kỳ hành động thực tế nào thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng cho phía Công ty Tài chính M A.

Tính đến ngày 30/07/2025, anh Trần Bá L đã không thanh toán, trễ hạn các khoản tiền như sau:

- Số nợ gốc còn lại chưa thanh toán: 24.386.981 đồng
- Số tiền lãi quá hạn chưa thanh toán (số tiền lãi chưa trả tính từ kỳ 3 đến kỳ 14, chi tiết tại bảng Báo cáo thu hồi nợ vay hợp đồng tín dụng (đính kèm theo đơn khởi kiện)): 11.654.607 đồng
- Số tiền lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn ($150\% \times \text{lãi suất năm} \times \text{số tiền gốc phải trả mỗi kỳ} \times \text{số ngày trễ hạn} / 365 \text{ ngày}$): 2.360.171 đồng

- Số tiền lãi chậm trả tính trên lãi quá hạn chưa thanh toán ($10\% \times$ số tiền lãi phải thanh toán mỗi kỳ $\times$ số ngày trễ hạn / 365 ngày): 602.310 đồng

Như vậy, tính đến ngày 30/07/2025 số tiền anh Trần Bá L phải thanh toán (bao gồm dư nợ gốc, lãi) là: **39.004.069 đồng** (*Bằng chữ: Ba mươi chín triệu, không trăm lẻ bốn nghìn, không trăm sáu mươi chín đồng*).

Nay Công ty tài chính TNHH một thành viên M A (Việt Nam) yêu cầu Toà án giải quyết buộc anh Trần Bá L phải thanh toán toàn bộ khoản vay cho Công ty Tài chính M A (bao gồm dư nợ gốc còn lại của khoản vay, lãi, phí) tính đến ngày 30/07/2025 với tổng số tiền là: **39.004.069 đồng** (*Bằng chữ: Ba mươi chín triệu, không trăm lẻ bốn nghìn, không trăm sáu mươi chín đồng*). Đồng thời, anh Trần Bá L phải thanh lãi phát sinh từ 31/07/2025 đến khi đến khi hoàn tất việc thanh toán khoản vay nói trên.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến xét xử Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật; bị đơn không thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty tài chính TNHH một thành viên M A. Cụ thể:

- Buộc anh Trần Bá L có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty tài chính TNHH một thành viên M A số tiền gốc là 24.386.981 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật.

- Về án phí: Anh Trần Bá L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Trả lại cho Công ty tài chính TNHH một thành viên M A số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét thấy, anh L có nơi cư trú tại xã Phú Lâm, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8, tỉnh Đồng Nai theo qui định tại các Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Về quan hệ tranh chấp và tư cách đương sự: Công ty tài chính TNHH một thành viên M A khởi kiện anh L trên cơ sở hợp đồng tín dụng các bên đã ký kết. Căn cứ khoản 3, Điều 26, Điều 30, Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” và xác định Công ty tài chính TNHH một thành viên M A là nguyên đơn, anh L là bị đơn.

[1.3]. Về sự vắng mặt của các đương sự: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1

Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Xét thấy:

[2.1]. Về hình thức của hợp đồng tín dụng giữa Công ty tài chính M A và anh L (Hợp đồng tín dụng số 5497073 ngày 06/5/2024):

Công ty tài chính M A là tổ chức tín dụng được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và các quy định khác của pháp luật và được phép cấp tín dụng tiêu dùng. Tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng ngày 06/5/2024, anh L đã cung cấp các giấy tờ tùy thân, ký tên vào hợp đồng tín dụng từ đó thể hiện việc ký kết hợp đồng dựa trên cơ sở tự nguyện và người ký kết hợp đồng có đầy đủ năng lực hành vi dân sự. Do đó, hợp đồng tín dụng 5497073 ngày 06/5/2024 đã ký kết đảm bảo về mặt hình thức và có hiệu lực kể từ thời điểm các bên giao kết hợp đồng theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Luật Các tổ chức tín dụng.

[2.2]. Về thực hiện hợp đồng và nghĩa vụ thanh toán:

Căn cứ vào hợp đồng tín dụng số 5497073 ngày 06/5/2024, có cơ sở xác định Công ty tài chính M A đã ký kết hợp đồng tín dụng cho anh L vay số tiền 24.771.000 đồng. Tạm tính đến ngày 30/7/2025, anh L còn nợ Công ty tài chính M A số tiền nợ gốc là 24.386.981 đồng.

Do anh L vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Công ty tài chính M A đã chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn và khởi kiện là có căn cứ theo thỏa thuận giữa hai bên và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 103 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2024.

[2.3]. Về yêu cầu trả nợ gốc: Xét bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đã được các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng. Do đó, Công ty tài chính M A yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả nợ gốc của hợp đồng tín dụng số 5497073 ngày 06/5/2024 với số tiền 24.386.981 đồng là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại các Điều 351; Điều 357; Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 103 của Luật Các tổ chức tín dụng.

[2.4]. Về yêu cầu trả tiền lãi: Số tiền lãi quá hạn Công ty tài chính M A yêu cầu anh L thanh toán được tính dựa vào sự thỏa thuận giữa các bên tại hợp đồng tín dụng số 5497073 ngày 06/5/2024, thỏa thuận này phù hợp với quy định tại Điều 100 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024.

Do đó, yêu cầu của Công ty tài chính M A về việc anh L có nghĩa vụ trả số tiền nợ lãi trong hạn 11.654.607 đồng, lãi quá hạn 2.360.171 đồng, số tiền lãi chậm trả 602.310 đồng tạm tính đến ngày 30/7/2025 là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.5]. Xét yêu cầu của Công ty tài chính M A về việc yêu cầu anh L tiếp tục chịu lãi phát sinh từ ngày 31/7/2025 theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng cho vay cho đến khi thanh toán xong toàn bộ nợ vay. Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu này phù hợp với thỏa thuận của các bên được quy định tại Hợp đồng tín dụng số 5497073 ngày 06/5/2024 nên có cơ sở để chấp nhận.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Công ty Tài chính M A được chấp nhận nên anh Trần Bá L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Hoàn trả cho Công ty Tài chính M A tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; Điều 278; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 351; Điều 357; Điều 463; Điều 466 của Bộ luật Dân sự;

- Khoản 2 Điều 100; Điều 103 của Luật Các tổ chức tín dụng;

- Khoản 2 Điều 21 của Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016.

- Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên M A.

Buộc anh Trần Bá L có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên M A số tiền còn nợ tính đến ngày 30/7/2025 là: Nợ gốc: 24.386.981 đồng, lãi trong hạn 11.654.607 đồng, lãi quá hạn 2.360.171 đồng, số tiền lãi chậm trả 602.310 đồng. Tổng cộng là 39.004.069 đồng, làm tròn thành 39.004.000 đồng (*Ba mươi chín triệu, không trăm lẻ bốn nghìn đồng*).

Kể từ ngày 31/7/2025 anh Trần Bá L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ vay.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Công ty Tài chính M A cho vay thì lãi suất mà khách vay phải tiếp tục thanh toán cho Công ty tài chính M A cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Công ty Tài chính M A cho vay.

2. Về án phí:

- Anh Trần Bá L phải chịu là 1.950.200 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại cho Công ty tài chính M A số tiền 749.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0020989 ngày 10/4/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8 – Đồng Nai).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự; Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014).

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND khu vực 8;
- Phòng THA khu vực 8;
- Các đương sự;
- Lưu HS – LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Tuấn